

Bản án số: 120/2022/HS-PT
Ngày 13-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông.

Ông Cao Huy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 07 và 13 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 70/2022/TLPT-HS ngày 22 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Trần Quốc V, do có kháng cáo của bị cáo và bị đơn dân sự đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2021/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: Trần Quốc V, sinh năm 1978 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: khu phố 8, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Lê Kim T; có 02 người con; tiền sự, tiền án: không; nhân thân: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/11/2021, bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị đơn dân sự có kháng cáo: Công ty Cổ phần C; địa chỉ trụ sở: số 45A, đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Văn L, chức vụ: Tổng giám đốc; nơi cư trú: số 49A, đường Nguyễn Văn T, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Hồ T, sinh năm 1977; nơi cư trú: khu phố Tây A, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại, 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quốc V có giấy phép lái xe hạng C do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/7/2003, có giá trị đến ngày 26/12/2023. V là tài xế lái xe tải chở đá cho Công ty Cổ phần C có trụ sở chính tại số 45A, đường Nguyễn Văn T, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 12/01/2021, ông Nguyễn Văn C điều khiển xe ô tô tải biển số 61C-330.99 đi từ xã T đến xã T, tiếp đến là ông Nguyễn Văn T điều khiển xe ô tô biển số 67A-074.13 chạy phía sau, Trần Quốc V điều khiển xe ô tô tải biển số 61C-189.42 chạy phía sau xe của ông T, cùng chiều lưu thông trên đường ĐT746 theo hướng từ xã T về xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khi cả ba xe ô tô đi đến đoạn đường giao lộ có tín hiệu đèn báo hiệu giao thông thuộc ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Ông C cho xe dừng lại chờ đèn đỏ, thấy xe của ông C chạy phía trước dừng lại nên ông T cũng cho xe dừng lại phía sau cách xe của ông C khoảng 02 mét. Lúc này, Trần Quốc V điều khiển xe ô tô tải biển số 61C-189.42 chạy phía sau xe của ông T không giữ khoảng cách an toàn nên khi thấy xe của ông T dừng lại đã không kịp xử lý dẫn đến va chạm vào phía sau xe ô tô biển số 67A-074.13. Sau va chạm xe ô tô biển số 67A-074.13 bị đẩy về phía trước tiếp tục va chạm vào phía sau xe ô tô tải biển số 61C-330.99 do ông C điều khiển đang dừng phía trước. Hậu quả xe ô tô biển số 67A-074.13 bị hư hỏng nặng (các bút lục 01-04; 25-28; 37-40; 90-93; 164-174; 185-186).

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường ngày 12/01/2021 của Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện B thể hiện:

- Hiện trường vụ tai nạn giao thông là đoạn đường thẳng, mặt đường được trải nhựa bằng phẳng, chiều rộng mặt đường là 6,6 m, đường có vạch sơn liên tục chia mặt đường thành hai phần đường xe chạy. Phần đường bên phải theo hướng từ T đi T rộng 3,3 m, phía trước hiện trường về hướng T có ngã ba giao nhau giữa đường ĐT và đường ĐH có đèn tín hiệu giao thông, khoảng cách từ trụ đèn tín hiệu giao thông đo đến trục bánh trước bên phải của xe ô tô tải biển số 61C-330.99 là 204 m.

- Toàn bộ hiện trường được đo vào mép lề phải theo hướng từ T đi T. Lấy trụ điện số 08 bên lề trái làm điểm chuẩn cho toàn bộ hiện trường.

- Đầu đoạn đường ĐT hướng từ U về T có đặt biển báo giới hạn tốc độ 50km/h.

Sau tai nạn:

- Xe ô tô tải biển số 61C-189.42 dừng trên làn đường bên phải, đầu xe quay về hướng T, đuôi xe quay về hướng T. Trục bánh trước bên phải của xe nằm trên mép

lề phải, trục bánh sau bên phải của xe đo vào lề là 1,0 m. Khoảng cách từ vật chuẩn đó đến trục bánh sau bên trái của xe là 10,8 m. Khoảng cách từ trục trước bên phải của xe đo đến trục bánh sau bên phải của xe ô tô biển số 67A-074.13 là 1,5 m.

- Xe ô tô biển số 67A-074.13 sau tai nạn dừng trên phần đường bên phải đầu xe quay về hướng T, đuôi xe quay về hướng T, trục bánh trước bên phải của xe đo vào lề là 0,5 m, trục bánh sau bên phải đo vào lề là 0,35 m, khoảng cách từ trục bánh trước bên phải của xe đó đến trục bánh sau bên phải của xe ô tô tải biển số 61C-330.99 là 1,7 m.

- Xe ô tô tải biển số 61C-330.99, sau tai nạn dừng trên phần đường bên phải, đầu xe quay về hướng T, đuôi xe quay về hướng T. Khoảng cách từ trục bánh trước bên phải của xe đo vào lề là 0,1 m, trục bánh sau bên phải của xe đo vào lề là 0,2 m.

Hiện trường ghi nhận các dấu vết:

- Vết phanh I dài 13,8 m, có hướng từ T về T, điểm đầu vết phanh đo vào lề là 0,5 m, điểm cuối vết phanh tại vị trí tiếp xúc giữa lớp cầu giữa bên phải của xe ô tô tải biển số 61C-189.42 với mặt đường sau tai nạn. Điểm đầu vết phanh I đo đến điểm đầu vết phanh II là 2,2 m.

- Vết phanh II dài 11,8 m, có hướng từ T về T, điểm đầu vết phanh đo vào lề là 0,5 m, điểm cuối vết phanh tại vị trí tiếp xúc giữa lớp cầu giữa bên trái của xe ô tô tải biển số 61C-189.42 với mặt đường sau tai nạn.

- Vết phanh III dài 1,7 m, có hướng từ T về T, điểm đầu vết phanh đo vào lề là 0,5 m, điểm cuối vết phanh tại vị trí tiếp xúc giữa lớp cầu sau bên phải của xe ô tô tải biển số 61C-330.99 với mặt đường sau tai nạn.

- Vết phanh IV dài 1,7 m, có hướng từ T về T, điểm đầu vết phanh đo vào lề là 2,7 m, điểm cuối vết phanh tại vị trí tiếp xúc giữa lớp cầu sau bên trái của xe ô tô tải biển số 61C-330.99 với mặt đường sau tai nạn.

- Điểm dừng được xác định như sau:

+ Điểm dừng 1 là vị trí cách lề phải 1,9 m, đo đến đuôi xe ô tô biển số 67A-074.13 là 1,5 m, đo đến trục bánh trước bên phải của xe ô tô tải 61C-189.42 là 2,1m.

+ Điểm dừng 2 là vị trí cách lề 1,2 m, đo đến trục bánh trước bên phải của xe ô tô biển số 67A-074.13 là 0,8 m.

Tại Biên bản khám nghiệm phương tiện ngày 12/01/2021 của Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện B thể hiện:

- Xe ô tô tải biển số 61C-189.42: mặt trước bên trái tấm kim loại đầu cabin trầy xước kích thước (80 x 28)cm; má trái đầu cabin trầy xước kích thước (20x13)cm; tấm kim loại tiếp giáp phía trên đèn trước bên trái trầy xước kích thước

(54 x20)cm; tấm nhựa lưới tản nhiệt trầy xước kích thước (43 x22)cm; phía trên cản trước có dính mảnh vỡ gương; phần bên trái cản trước trầy xước, móp thụng hướng từ trước về sau (208 x 40)cm; đèn chiếu sáng trước bên trái trầy xước kích thước (20 x18)cm; biển số trước cong hướng từ trước về sau, mặt trước biển số trầy xước kích thước (23x10)cm.

- Xe ô tô tải biển số 61C-330.99: cản sau có vết trầy xước không liên tục, móp thụng hướng từ sau về trước, có dính mũ nhựa kích thước (120x 08)cm; mặt sau chắn bùn sau bên phải trầy xước có vết màu đen kích thước (14 x08)cm; cạnh sau sắt xi bên phải bị trầy xước bong tróc sơn kích thước (19x01)cm.

- Xe ô tô biển số 67A-074.13: nắp capo móp thụng hướng từ trước về sau, bong tróc sơn; đèn chiếu sáng phía trước hai bên bể hoàn toàn; cản trước bung rời khỏi vị trí, mặt trước cản bể, trầy xước không liên tục kết nước cong từ trước về sau; thanh kim loại ngang trước đầu sắt xi, cong hướng từ trước về sau; phần trước tấm kim loại hông phải cong hướng từ trước về sau kích thước (24x20)cm; túi khí trước hai bên bung; kính sau bể hoàn toàn; gạt nước sau cong hướng từ sau về trước; toàn bộ nắp cốp sau móp thụng hướng từ sau về trước, bong tróc sơn; toàn bộ cangk sau móp thụng hướng từ sau về trước, bong tróc sơn; cụm đèn sau hai bên bể hoàn toàn; biển số sau cong thụng theo hướng từ sau về trước, kính biển số bể; phần đuôi tấm kim loại hông sau bên phải móp thụng hướng từ sau về trước; phần đuôi tấm kim loại hông trái móp thụng theo hướng từ sau về trước; góc sau bên trái móp thụng theo hướng từ sau về trước; thanh kim loại ngang dưới nắp capo cong hướng từ trước về sau; thanh kim loại ngang phía trước đầu sắt xi cong hướng từ trước về sau.

Ngày 22/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phối hợp với Đội Cảnh sát giao thông và Viện kiểm sát nhân dân huyện B tiến hành xác định lại hiện trường. Kết quả xác định lại hiện trường đều phù hợp với quá trình khám nghiệm hiện trường vào ngày 12/01/2021.

Tại Kết luận định giá tài sản số 22/KLHD-ĐGTS ngày 08/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định tài sản hư hỏng do tai nạn giao thông gây ra đối với xe ô tô biển số 67A-074.13 có giá trị 412.000.000 đồng (bốn trăm mười hai triệu đồng).

Ngày 06/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Quốc V để điều tra về hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ quy định tại Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Đối với xe ô tô tải biển số 61C-330.99 do ông Phan Quốc B (sinh năm 1968; trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 12/01/2021, ông Bảo giao xe này cho Nguyễn Văn C để đi chở đá tại xã T thì xảy

ra tại nạn. Sau tai nạn xe ô tô biển số 61C-330.99 không bị hư hỏng nên ông không có yêu cầu gì. Ngày 13/01/2021 Công an huyện B đã ra quyết định trả lại xe cho ông C cùng các giấy tờ liên quan.

Đối với xe ô tô tải biển số 61C-189.42 do Công ty Cổ phần C đứng tên chủ sở hữu. Ngày 12/01/2021, công ty giao xe cho Trần Quốc V điều khiển để đi chở đá tại xã T thì xảy ra tai nạn giao thông. Ngày 15/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định trả lại xe cùng các giấy tờ liên quan cho ông Đỗ Hồ T là đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần C. Xe ô tô biển số 67A-074.13 do ông Nguyễn Xuân T (sinh năm 1988, trú tại: xã K, huyện , tỉnh An Giang) đứng tên chủ sở hữu. Năm 2018, ông T đã bán lại xe ô tô này cho ông Nguyễn Văn T nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 12/01/2021, ông T điều khiển xe ô tô này đi làm thì xảy ra tai nạn giao thông. Ngày 15/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định trả lại xe cùng các giấy tờ liên quan cho ông T.

Về trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Văn T yêu cầu Trần Quốc V và Công ty Cổ phần C phải bồi thường tổng số tiền 514.200.000 đồng (trong đó tiền sửa chữa xe là 412.000.000 đồng; tiền chi phí thuê xe để kéo xe phục vụ công tác điều tra và kéo xe về Công an huyện là 6.000.000 đồng, tiền phải đóng lãi vay ngân hàng là 8.000.000 đồng, tiền thuê xe đi làm kể từ ngày xảy ra tai nạn là 88.200.000 đồng). Do chưa thỏa thuận được nên Trần Quốc V chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 71/CT-VKS-BTU ngày 20/10/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Quốc V về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2021/HS- ST ngày 27 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc V phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Xử phạt bị cáo Trần Quốc V 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 129 của Bộ luật Lao động; các Điều 584, 585, 589, 597 và 600; khoản 2 Điều 601 của Bộ luật Dân sự, buộc Công ty Cổ phần C phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T giá trị thiệt hại chiếc xe ô tô biển số 67A-074.13 là 412.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền chi phí thuê xe. Tổng cộng là 418.000.000 đồng (bốn trăm mười tám triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người tham gia tố tụng.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, bị cáo Trần Quốc V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn. Ngày 07 tháng 01 năm 2022, bị đơn dân sự Công ty Cổ phần C kháng cáo yêu cầu định giá lại tài sản thiệt hại, giải quyết lại mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo Trần Quốc V, bị đơn dân sự đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật tại các Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Quốc V về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của bị đơn dân sự Công ty Cổ phần C và bị cáo:

Đối với kháng cáo yêu cầu định giá lại tài sản bị thiệt hại là phần hư hỏng của chiếc xe 67A-074.13 của bị đơn dân sự và bị cáo Trần Quốc V: tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và đại diện theo uỷ quyền của bị đơn dân sự thừa nhận đã được Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát thông báo Kết luận định giá tài sản số 22/KLHD-ĐGTS ngày 08/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện B (xác định tài sản hư hỏng do tai nạn giao thông gây ra đối với xe ô tô biển số 67A-074.13 có giá trị thiệt hại là 412.000.000 đồng) nhưng trong quá trình điều tra, truy tố cả bị đơn dân sự và bị cáo không có khiếu nại hoặc yêu cầu định giá lại. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn dân sự và bị cáo về việc yêu cầu định giá lại tài sản bị thiệt hại là phần hư hỏng của chiếc xe 67A-074.13.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V của bị đơn dân sự: căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì bị đơn dân sự chỉ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại. Do đó, bị đơn dân sự không có quyền kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên không có cơ sở xem xét kháng cáo của bị đơn dân sự về nội dung này.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Quốc V: bị cáo đã tự nguyện bồi thường phần trách nhiệm dân sự với số tiền 100.000.000 đồng. Trong vụ án này, bị cáo điều khiển xe ô tô không làm chủ được tốc độ, không giữ khoảng cách an toàn đối với xe cùng chiều phía trước, khi có đèn tín hiệu giao thông đã không kịp xử lý dẫn đến va chạm vào phía sau xe ô tô biển số 67A-074.13. Hậu quả xe ô tô biển số 67A-074.13 bị hư hỏng thiệt hại 412.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo

có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là lao động chính trong gia đình chăm sóc mẹ già, con nhỏ; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, hậu quả của vụ tai nạn giao thông mà bị cáo gây ra không thiệt hại về con người, chỉ gây ra thiệt hại về tài sản, mặc dù giá trị thiệt hại về tài sản cao nhưng có thể khắc phục được. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cùng bị đơn dân sự thống nhất được mức bồi thường thiệt hại cho bị hại thì cần xem xét áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn dân sự Công ty Cổ phần C, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HS-ST ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về phần trách nhiệm dân sự. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị cáo Trần Quốc V; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HS-ST ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, xử phạt bị cáo Trần Quốc V 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm.

Bị cáo V, bị đơn dân sự không tranh luận; trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo chăm sóc cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm xác định: khoảng 09 giờ 00 phút ngày 12/01/2021, ông Nguyễn Văn C điều khiển xe ô tô tải biển số 61C-330.99 đi từ xã T đến xã T, tiếp đến là ông Nguyễn Văn T điều khiển xe ô tô biển số 67A-074.13 chạy phía sau, Trần Quốc V điều khiển xe ô tô tải biển số 61C-189.42 chạy phía sau xe của ông T, cùng chiều lưu thông trên đường ĐT theo hướng từ xã T về xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khi cả ba xe ô tô đi đến đoạn đường giao lộ có tín hiệu đèn báo hiệu giao thông thuộc ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Ông C cho xe dừng lại chờ đèn đỏ, thấy xe của ông C chạy phía trước dừng lại nên ông T cũng cho xe dừng lại

phía sau xe của ông C. Trần Quốc V chạy phía sau xe của ông T không giữ khoảng cách an toàn nên khi xe của ông T dừng lại đã không xử lý kịp dẫn đến va chạm vào phía sau xe ô tô biển số 67A-074.13. Sau va chạm xe ô tô biển số 67A-074.13 bị đẩy về phía trước tiếp tục va chạm vào phía sau xe ô tô tải biển số 61C-330.99 do ông C điều khiển đang dừng phía trước. Hậu quả xe ô tô biển số 67A-074.13 bị hư hỏng nặng. Kết luận định giá tài sản số 22/KLHD-ĐGTS ngày 08/3/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định tài sản hư hỏng do tai nạn giao thông gây ra đối với xe ô tô biển số 67A-074.13 có giá trị là 412.000.000 đồng.

Trần Quốc V điều khiển xe ô tô tham gia giao thông nhưng khi đến đoạn đường có tín hiệu giao thông, bị cáo không giữ khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của bị cáo (xe của bị hại T) dẫn đến va chạm, hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 12 của Luật Giao thông đường bộ, gây thiệt hại về tài sản 412.000.000 (bốn trăm mười hai triệu) đồng. Bị cáo V có đủ năng lực chịu trách nhiệm. Do đó, hành vi của bị cáo hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” tại điểm đ khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo và bị đơn dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo có đơn xin khắc phục hậu quả, tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xét xét. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại; bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo). Ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, trường hợp của bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo được tự cải tạo, sửa chữa bản thân, làm người có ích cho xã hội; đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội. Kháng cáo của bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn dân sự kháng cáo yêu cầu định giá lại tài sản thiệt hại và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại mức bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, đại

diện hợp pháp của bị đơn dân sự (ông Đỗ Hồ T) thừa nhận đã được các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm thông báo Kết luận định giá tài sản số 22/KLHD-ĐGTS ngày 08/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện B (xác định tài sản hư hỏng do tai nạn giao thông gây ra đối với xe ô tô biển số 67A-074.13 có giá trị là 412.000.000 đồng), đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự không đồng ý kết luận định giá nhưng trong hạn luật định không có khiếu nại hoặc yêu cầu định giá lại. Mặt khác, việc định giá xác định thiệt hại trong vụ án đã được Hội đồng định giá tài sản huyện B tiến hành đúng quy định tại các Điều 215, 217 và 221 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá; trình tự thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự nên cũng không có căn cứ định giá lại tài sản. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn dân sự liên quan đến định giá lại là không có căn cứ xem xét.

Đối với yêu cầu xem xét lại mức bồi thường thiệt hại: Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và quyết định buộc bị đơn dân sự Công ty Cổ phần C bồi thường theo thiệt hại thực tế (chi phí khắc phục thiệt hại) là đúng theo quy định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, kháng cáo của bị đơn dân sự là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí phúc thẩm: kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị đơn dân sự Công ty Cổ phần C không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355; các Điều 356 và 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn dân sự Công ty Cổ phần C.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quốc V. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2021/HS- ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về phần hình phạt như sau:

2.1. Về trách nhiệm hình sự: tuyên bố bị cáo Trần Quốc V phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Quốc V 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án (ngày 13 tháng 6 năm 2022).

Giao bị cáo Trần Quốc V về Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Quốc V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589, 597 và 600 của Bộ luật Dân sự.

Buộc Công ty Cổ phần C có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T giá trị thiệt hại chiếc xe ô tô biển số 67A-074.13 là 412.000.000 (bốn trăm mười hai triệu) đồng và 6.000.000 (sáu triệu) đồng chi phí thuê xe. Tổng cộng là 418.000.000 đồng (bốn trăm mười tám triệu đồng); được trừ số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng bị cáo Trần Quốc V đã tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương (Biên lai thu tiền số 0005520 ngày 13/5/2022). Công ty Cổ phần C phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho bị hại Nguyễn Văn T là 318.000.000 (ba trăm mười tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Công ty Cổ phần C phải nộp 15.900.000 (mười lăm triệu chín trăm ngàn) đồng.

3. Án phí phúc thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Quốc V phải không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bị đơn dân sự Công ty cổ phần C phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện B (2);
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; bị đơn dân sự;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Văn phòng (2), hồ sơ; LTH, 15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sang